

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT
(tiếng Anh viết tắt MSDS từ Material Safety Data Sheet)

Hydrogen fluoride

Số CAS : 7664-39-3
Số UN : 1790
Số đăng ký EC: 231-634-8
Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): 8 +6.1 - Chất độc và ăn mòn
Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có)



Phần I – Nhận dạng hoá chất và thông tin về nhà cung cấp

- Tên thường gọi: Hydrogen fluoride	Mã sản phẩm (nếu có)
- Tên thương mại: Hydrogen fluoride	
- Tên khác (không là tên khoa học):	
- Tên nhà phân phối hoặc nhập khẩu, địa chỉ: CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU HÓA CHẤT THỊNH PHÚC Trụ sở tại: Nhà số 9, Ngách 2 Ngõ 82 Đường Nguyễn Khuyến, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam; Điện thoại: 0833299222 Email: hoachatthinhphuc@gmail.com	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU HÓA CHẤT THỊNH PHÚC Trụ sở tại: Nhà số 9, Ngách 2 Ngõ 82 Đường Nguyễn Khuyến, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam; Điện thoại: 0833299222 Email: hoachatthinhphuc@gmail.com
Tên nhà sản xuất và địa chỉ: Trung Quốc	
- Mục đích sử dụng: dùng trong phòng thí nghiệm và một số ngành công nghiệp khác.	

Phần II – Thông tin về thành phần các chất

Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hoá học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Hydrogen fluoride	7664-39-3	HF	≤ 99.9%

Phần III – Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

1. Mức xếp loại nguy hiểm: (theo số liệu hợp lệ có sẵn của các quốc gia, tổ chức thử nghiệm; Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA...): Chất độc, ăn mòn và nguy hiểm.

Các thành phần đánh dấu theo hệ thống đồng nhất toàn cầu (GHS)

Độc tính cấp tính, Đường miệng (Nhóm 2), H300

Độc tính cấp tính, Hít phải (Nhóm 2), H330

Độc tính cấp tính, Da (Loại 1), H310

Ăn mòn da (Phân nhóm 1A), H314

Tổn thương mắt nghiêm trọng (Nhóm 1), H318

Hình đồ cảnh báo nguy cơ



Lời cảnh báo Nguy hiểm

2. Cảnh báo nguy hiểm:

H300 + H310 + H330 Gây tử vong nếu nuốt phải, tiếp xúc với da hoặc hít phải.

H314 Gây bỏng da nặng và tổn thương mắt.

(Các) tuyên bố phòng ngừa

P260 Không hít bụi/khói/khí/sương/hoi/phun.

P270 Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.

P280 Đeo găng tay bảo hộ/quần áo bảo hộ/bảo vệ mắt/mặt bảo vệ/bảo vệ thính giác.

P303 + P361 + P353 NẾU TIẾP XÚC VỚI DA (hoặc tóc): Cởi bỏ ngay tất cả những thứ bị nhiễm bẩn quần áo. Rửa sạch da với nước.

P304 + P340 + P310 NẾU HÍT PHẢI: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ thoải mái để thở. Gọi ngay cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC/bác sĩ.

P305 + P351 + P338 NẾU DÍNH VÀO MẮT: Rửa sạch cẩn thận bằng nước trong vài phút.

Hủy bỏ kính áp tròng, nếu có và dễ dàng để làm. Tiếp tục súc rửa.

Mỗi nguy hiểm bổ sung: không có

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đờng mắt: kích ứng, gây bỏng giác mạc
- Đờng thở: kích ứng mũi, họng, hệ hô hấp, nặng có thể dẫn tới tử vong .
- Đờng da: gây bỏng nặng gây hiệu ứng mất Canxi trong cơ thể.
- Đờng tiêu hóa: cảm giác bỏng rát có thể dẫn đến tử vong

Phần IV – Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt): Tìm ngay bác sĩ. Rửa nước, cố gắng mở to mắt. Tìm hướng dẫn của bác sĩ.
2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da): rửa bằng nhiều nước hoặc Canxi gluconat 2.5%, hoặc nước vôi loãng trong vòng 15 phút, sau đó thay quần áo tiếp tục rửa lại và tham khảo ý kiến của bác sĩ
3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc qua đường hô hấp (hít thở phải hoá chất nguy hiểm dạng hơi, khí): Ra khỏi khu vực bị nạn. Nếu không thở được, làm hô hấp nhân tạo cho người bị nạn. Nếu thấy khó thở cho người bị nạn thở oxy.
4. Đường tiêu hoá (ăn, uống nuốt nhầm hoá chất): Không nên gây nôn. Uống nhiều nước , không cho người bị nạn uống bất kỳ thức uống gì và đi đến bác sĩ ngay.
5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị (nếu có)

Phần V – Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

1. Xếp loại về tính cháy:
2. Sản phẩm tạo ra khi cháy: Không có thông tin.
3. Các tác nhân gây cháy, nổ (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát): Không có thông tin
4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác: Hoá chất khô, CO₂, xịt nước, mút, đất, cát.
5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy: Vòi phun nước, mặt nạ, găng tay, ủng.
6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có)

Phần VI – Biện pháp xử lý khi gặp sự cố tràn đổ, rò rỉ

1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức độ nhỏ: Thu gom hoá chất bị rò rỉ càng sớm càng tốt. Phần còn lại dùng nước làm ẩm hay hút bụi. Không được thải ra cống rãnh.
2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng: Thu gom hoá chất bị rò rỉ càng sớm càng tốt. Phần còn lại dùng nước làm ẩm hay hút bụi. Không được thải ra cống rãnh.

Phần VII – Sử dụng và bảo quản

3. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng , thao tác với hoá chất nguy hiểm (thông gió, chỉ dùng trong hệ thống kín, sử dụng thiết bị điện phòng nổ, vận chuyển nội bộ...): Rửa sạch tay sau khi sử dụng, sử dụng trong khu vực thông thoáng, giữ kín thùng chứa dung dịch, không để dung dịch dây vào mắt, da và quần áo. Tránh hít, thở làn hơi hóa chất.

4. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản (nhiệt độ, cách sắp xếp, các hạn chế về nguồn gây cháy, nổ, các chất cần tránh bảo quản chung): Giữ kín thùng. Lưu giữ trong khu vực thông thoáng, khô ráo. Tránh xa tầm tay trẻ em. Tránh xa các nguồn nhiệt, điện. Lưu giữ hoá chất ở khu vực riêng biệt.

Phần VIII – Kiểm soát tiếp xúc và phương tiện bảo hộ cá nhân

- Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời gian làm việc): Khẩu trang, găng tay, ủng, quần áo bảo hộ lao động.
- Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc:
 - Bảo vệ mắt: Đeo kính bảo hộ.
 - Bảo vệ thân thể: Mặc quần áo bảo hộ.
 - Bảo vệ tay: Đeo găng tay.
 - Bảo vệ chân: Mang ủng.
 - Bảo vệ đường hô hấp: Đeo khẩu trang
- Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố: Mặt nạ phòng khí độc, găng tay, ủng.
- Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc): Rửa tay sạch sẽ sau khi sử dụng, thay quần áo, giày dép bị hoá chất dính vào và giặt sạch trước khi sử dụng lại.

Phần IX – Đặc tính hoá lý

Trạng thái vật lý: chất lỏng	Điểm sôi: 112 °C (1013 hPa)
Màu sắc: Không màu	Điểm nóng chảy: -26 ⁰ C
Mùi đặc trưng: không mùi	Điểm bùng cháy: 64 ⁰ C
áp suất hoá hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: 25 mm Hg (20C	Nhiệt độ tự bốc cháy: Không có thông tin
Tỉ trọng hơi (không khí =1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: 1.13 g/cm ³ (20 °C)	Giới hạn nồng độ cháy, nổ (trên): Không có thông tin
Độ hoà tan trong nước: tan vô hạn trong nước	Giới hạn nồng độ cháy, nổ (dưới): Không có thông tin
Độ pH: < 1.0	Tỉ lệ hoá hơi: Không có thông tin
Khối lượng riêng: 1.13 g/cm (20C)	Các chỉ tiêu khác: Không có thông tin






Phần X – Mức ổn định và khả năng phản ứng

- Tính ổn định (độ bền nhiệt, độ nhạy với các tác nhân ma sát, va đập...) : ổn định dưới nhiệt độ và áp suất bình thường.
- Khả năng phản ứng:
 - Phản ứng phân huỷ & sản phẩm của phản ứng phân huỷ: CO...
 - Các phản ứng nguy hiểm (ăn mòn, cháy, nổ, phản ứng với môi trường xung quanh): Nhiệt, lửa ngọn, các chất dễ cháy.
 - Các chất có phản ứng sinh nhiệt, khí độc hại, các chất không bảo quản chung: Các chất oxy hoá mạnh, Aniline, Phenol, Isocyanates, Acid anhydrides, các axit, các bazo mạnh, các amines, chất hàn...
 - Phản ứng trùng hợp: Không có thông tin.

Phần XI – Thông tin về độc tính

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Hydrogen fluoride	LD50	90 mg/kg thể trọng	Ăn uống	Chuột
	LC50	342 mg/m- 1 giờ	Hô hấp	Chuột
	OSHA PEL: Giới hạn phơi nhiễm cho phép	0.1mg (TWA)		

	Giới hạn phơi nhiễm ngắn hạn cho phép	0.5 ppm (STEL)				
1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (ung thư, độc sinh sản..): Chưa có thông tin 2. Các ảnh hưởng độc khác: Chưa có thông tin.						
Phần XII – Thông tin về sinh thái môi trường						
1. Độc tính với sinh vật:						
Tên thành phần	Loài sinh vật	Chu ký ảnh hưởng	Kết quả			
Hydrogen fluoride	Không có thông tin					
2.Tác động trong môi trường - Mức độ phân huỷ sinh học : Chưa có thông tin. - Chỉ số BOD và COD: Chưa có thông tin - Sản phẩm của quá trình phân huỷ sinh học: Chưa có thông tin - Mức độc tính của sản phẩm phân huỷ sinh học: Chưa có thông tin						
Phần XIII – Biện pháp và qui định về tiêu huỷ hoá chất						
1. Thông tin quy định tiêu huỷ (thông tin về luật pháp): Tiêu huỷ theo quy định của địa phương 2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải: Chưa có thông tin. 3. Biện pháp tiêu huỷ: Thu hồi hoặc tái chế nếu có thể. 4. Sản phẩm của quá trình tiêu huỷ, biện pháp xử lý: Chưa có thông tin.						
Phần XIV – Qui định về vận chuyển						
Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung

<p>Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 42/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng nguy hiểm trên đường thủy nội địa; - Nghị định số 34/2024/NĐ-CP ngày 31/03/2024 của Chính phủ Quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và phương tiện thủy nội địa; 	1790	Hydrogen fluoride	<p>8 + 6.1 Hoá chất ăn mòn và chất độc hại</p>	500ml/chai ; 20l/phuy	 	 <p>Xếp hàng theo chiều mũi tên</p>
<p>Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA... - Quốc tế: Nước, I.M.O</p>	1790	Hydrogen fluoride	<p>8 + 6.1 Hoá chất ăn mòn và chất độc hại</p>		 	IMDG III

Phần XV – Thông tin về pháp luật

- Tình trạng khai báo, đăng ký ở quốc gia khu vực trên thế giới** (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo): Sản phẩm được phân loại nguy hiểm theo Hệ thống hài hòa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS)
- Phân loại nguy hiểm theo quốc gia, đăng ký:** 8-Chất ăn mòn
- Tiêu chuẩn Việt Nam : TCVN 5507:2002
- Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ:**
 - Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007;
 - Nghị định số: 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất.
 - Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
 - Thông tư số: 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 Quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất số 06/2007/QH12 và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP.
 - Thông tư số 17/2022/TT-BCT ngày 27/10/2022 của Bộ Công thương Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
 - Nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa và Nghị định số 111/2021/NĐ-CP của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.
 - Quy chuẩn Việt Nam: QCVN 05:2020/BCT. Thông tư số: 48/2020/TT-BCT ngày 21 tháng 12 năm 2020 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa

chất nguy hiểm.

- Nghị định số 34/2024/NĐ-CP ngày 31/03/2024 của Chính phủ Quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và phương tiện thủy nội địa.

- Các văn bản pháp luật hiện hành liên quan khác.

Phần XVI – Thông tin khác

Ngày tháng biên soạn Phiếu: 02/07/2024

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:

Tên tổ chức soạn thảo: **Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Hóa Chất Thịnh Phúc**

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hoá chất nguy hiểm trong phiếu nay có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.

(Ban hành kèm theo Phụ lục 9, Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương Quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất;